

DANH SÁCH SINH VIÊN
DUY TRÌ HỌC BỔNG HỌC SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN/NĂNG KHIẾU Ở HỌC KỲ I/2022-2023

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
1	19119220	Đoàn Khiết	Thanh	Điện - Điện tử	CNKT máy tính	191191A
2	19124029	Nguyễn Thị Kim	Yên	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	191241A
3	19124032	Trương Thanh	Tâm	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	191242A
4	19132002	Võ Nguyễn Quỳnh	Hương	Kinh tế	Logistics và QL CCU	191322B
5	19132030	Đình Tiên	Hà	Kinh tế	Logistics và QL CCU	191321B
6	19132070	Trương Ngọc Tuyết	Ngân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	191322A
7	19136019	Lê Thị Thanh	Hà	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	191361B
8	19136069	Lê Hồng	Phước	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	191361A
9	19136119	Nguyễn Thị Tường	Vi	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	191362A
10	19142357	Võ Đông	Phong	Điện - Điện tử	CNKT điện, điện tử	191422C
11	19145412	Phan Tinh	Kiên	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	191451D
12	20110147	Huỳnh Anh	Vũ	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201103A
13	20110179	Nguyễn Quốc	Bảo	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201103B
14	20110597	Huỳnh Hồ Thọ	Tỷ	ĐT chất lượng cao	Công nghệ thông tin	20110CL6
15	20110666	Đỗ Thị Mỹ	Lan	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201103C
16	20110672	Lê Phạm Bảo	Lộc	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	201103B
17	20119016	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	ĐT chất lượng cao	CNKT máy tính	20119CL2A
18	20124104	Trịnh Phan Mỹ	Vân	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201241C
19	20124409	Hồ Anh	Thiện	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	201242A
20	20125072	Lê Phương	Linh	ĐT chất lượng cao	Kế toán	20125CL1
21	20125201	Trần Mai Bảo	Ngọc	Kinh tế	Kế toán	201252B
22	20132008	Lê Bảo	Ngân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321B
23	20132030	Nguyễn Nhật	Tân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321C
24	20132037	Nguyễn Võ Hoài	An	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322B
25	20132046	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201322B
26	20132060	Nguyễn Bùi Lan	Phương	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321B
27	20132241	Đỗ Hữu Trí	Toàn	Kinh tế	Logistics và QL CCU	201321B
28	20134004	Nguyễn Xuân	Phi	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	20134A
29	20134005	Huỳnh Vĩnh	Phúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	20134A
30	20136004	Lê Hồ Minh	Châu	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	201362A
31	20136050	Lê Thị Lan	Anh	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	201361B
32	20139038	Nguyễn Gia	Vương	Điện - Điện tử	Hệ thống nhúng và IoT	20139A
33	20144114	Nguyễn Trần Trung	Kiên	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ khí	201441C
34	20145015	Võ Ngọc Khôi	Nguyên	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	20145CLA1
35	20145017	Phan Dương Thanh	Sơn	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	20145CLA3
36	20145026	Trần Xuân	Sơn	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	20145CLA2
37	20145042	Vũ Đức	Tâm	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	20145CL5A
38	20145196	Trương Đức	Thắng	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CNKT cơ điện tử	201461A
39	20145201	Nguyễn Đăng	Quang	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	201452B
40	20151143	Nguyễn Minh	Nhật	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	201511A
41	20151201	Âu Đoàn	Trung	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	201514B
42	20950009	Đình Ánh	Tuyết	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	20950

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
43	21110205	Hoàng Quang	Khải	ĐT chất lượng cao	Công nghệ thông tin	21110CL2
44	21110362	Hà Đỗ Thái	An	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211102C
45	21110409	Trần Minh	Dũng	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101C
46	21110421	Lê Bá	Điền	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211103D
47	21110535	Vũ Đức	Lộc	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211101D
48	21110611	Trịnh Thu	Phương	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	211103A
49	21124138	Đỗ Như	Bình	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
50	21124154	Trần Thị Kim	Duyên	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
51	21124200	Nguyễn Thị Phương	My	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241C
52	21124208	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241A
53	21124336	Trình Thị Phúc	Yên	Đào tạo quốc tế	Quản lý công nghiệp	21124FIE1
54	21124367	Châu Yến	Khoa	ĐT chất lượng cao	Quản lý công nghiệp	21124CL2
55	21124432	Vũ Thị Thu	Uyên	ĐT chất lượng cao	Quản lý công nghiệp	21124CL4
56	21124445	Huỳnh Ngọc	Minh	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211242A
57	21125138	Phạm Mai Mẫn	Nhi	Kinh tế	Kế toán	211252B
58	21126043	Nguyễn Thị Khánh	Linh	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL2A
59	21126048	Trương Thanh	Lộc	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
60	21126058	Trần Minh	Nghĩa	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL2B
61	21126063	Nguyễn Thị Yến	Nhi	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
62	21126089	Từ Huỳnh Anh	Thư	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
63	21126099	Nguyễn Hoàng	Tuấn	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1A
64	21126103	Huỳnh Vân	Anh	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1B
65	21126108	Mai Thị Hà	Vy	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL2A
66	21126120	Nguyễn Phan Kiều	Diễm	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
67	21126130	Phạm Huỳnh Hải	Đặng	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262A
68	21126137	Phạm Thị Khánh	Hân	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262A
69	21126187	Trương Đình	Phúc	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
70	21126188	Phạm Ngọc Mai	Phương	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
71	21126205	Bạch Thị Thanh	Thảo	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
72	21126208	Ngô Hoàng Phước	Thịnh	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
73	21126210	Bùi Thị Kim	Thơm	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261B
74	21126224	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1B
75	21126238	Lê Minh	Tuấn	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262A
76	21126278	Lê Trung	Tín	ĐT chất lượng cao	Thương mại điện tử	21126CL1B
77	21128024	Đặng Duy	Huân	ĐT chất lượng cao	CNKT hóa học	21128CL2A
78	21128113	Lê Huỳnh	Anh	CNHH và Thực phẩm	CNKT hóa học	211281A
79	21128151	Trần Thị Phương	Hoa	CNHH và Thực phẩm	CNKT hóa học	211281A
80	21131019	Võ Quang	Duy	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE4
81	21131037	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131TI2
82	21131048	Nguyễn Ngọc Mỹ	Lan	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE1
83	21131088	Trần Nguyễn Lan	Phương	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE2
84	21131190	Châu Thụy Thúy	Minh	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE1
85	21131194	Nguyễn Hoài	Ngọc	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE2
86	21131203	Lê Hồng	Phát	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131TI2

TT	MSSV	Họ	Tên	Khoa	Ngành học	Mã Lớp SV
87	21131217	Bùi Xuân	Thành	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE3
88	21131241	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131TI1
89	21131252	Trần Tiêu	Yến	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	21131BE1
90	21132005	Nguyễn Văn Quốc	Anh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321B
91	21132015	Hồ Tiêu	Bình	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
92	21132056	Nguyễn Ngọc	Hân	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
93	21132064	Thiêm Hoài	Nam	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
94	21132129	Long Bảo	Nghi	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
95	21132161	Nguyễn Lê Hoàng	Phúc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
96	21132166	Sơn Minh	Phúc	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321C
97	21132195	Nguyễn Tuấn	Thành	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
98	21132256	Nguyễn Tuấn	Phương	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322B
99	21132265	Đoàn Quốc	Việt	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211322A
100	21132269	Nguyễn Kim Triệu	Vy	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211321A
101	21132282	Lê Thị Khánh	Anh	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211323B
102	21132290	Nguyễn Hương	Giang	Kinh tế	Logistics và QL CCU	211323B
103	21133005	Trần Quốc	Bảo	Công nghệ Thông tin	Kỹ thuật dữ liệu	21133B
104	21134002	Lê Quang	Cảnh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	21134NT
105	21134010	Lê Ngọc Gia	Huy	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	21134NT
106	21136060	Nguyễn Tâm	Như	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211362B
107	21136090	Võ Thanh	Thảo	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361B
108	21139076	Phạm Trần Thanh	Liên	Điện - Điện tử	Hệ thống nhúng và IoT	21139A
109	21140088	Võ Kiều Phương	Trần	Xây dựng	Kiến trúc nội thất	21140A
110	21145028	Phan Tấn	Minh	Đào tạo quốc tế	CNKT ô tô	21145FIE3
111	21145225	Mã Hiền	Nhân	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	21145CL2A
112	21145309	Mai Anh	Tuấn	ĐT chất lượng cao	CNKT ô tô	21145CL5B
113	21145459	Châu Ngọc Trà	My	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211452B
114	21145489	Nguyễn Trần Trường	Sơn	Cơ Khí Động Lực	CNKT ô tô	211451A
115	21145617	Lê Hoàng	Tiến	Đào tạo quốc tế	CNKT ô tô	21145FIE4
116	21146490	Vũ Thượng	Nguyên	ĐT chất lượng cao	CNKT cơ điện tử	21146CL6B
117	21151057	Lê Phạm Huy	Triều	Đào tạo quốc tế	CNKT điều khiển và TĐH	21151FIE3
118	21151293	Phạm Khải	Nguyên	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512A
119	21151385	Ngô Anh	Tuấn	Điện - Điện tử	CNKT điều khiển và TĐH	211512C
120	21151405	Lại Thế	Trung	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	21134NT
121	21159002	Nguyễn Phương	Anh	Thời trang và Du lịch	QTNH và Dịch vụ ăn uống	21159C
122	21950013	Nguyễn Xuân	Nghi	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	21950